

Bản án số: 17/2018/DS-PT

Ngày: 21-11-2018

*V/v “tranh chấp đất đai theo quy
định của pháp luật về đất đai và
bồi thường thiệt hại ngoài hợp
đồng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Khôi và ông Trịnh Việt Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018, về *tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Th; địa chỉ: Đội B, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

2. **Bị đơn:** Bà Vũ Thị L và ông Phan Văn L; cùng trú tại địa chỉ: Đội B, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Ông Phan Văn L là người đại diện theo ủy quyền của bà L. (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2018)

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn Nh; địa chỉ: SN M, đường Tr, phố Ph, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Trịnh Biên Th; địa chỉ: Đội B, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

4. **Người kháng cáo:** Bà Đỗ Thị Th là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Th trình bày:

Năm 1990 gia đình bà Th có nhận chuyển nhượng 140m² đất ở (KT 5m x 28m), tại đội B, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình của ông Nguyễn Văn Nh, trên đất có 01 móng nhà. Ngày 20/01/2003 Ủy ban nhân dân huyện Yên Mô cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Văn B (chồng bà Thoa, ông B đã chết năm 2009). Năm 1993 gia đình bà Th xây nhà mái bằng một tầng trên phần móng đã có trước khi nhận chuyển nhượng đất. Khi xây nhà, gia đình bà Th xây tường giắt cấp vào trong so với mép ngoài móng là 10cm (phần tường nhà xây giắt cấp vào đủ 5m chiều rộng và làm lỗ thông gió cầu thang nhô ra bằng phần âm của móng nhà). Năm 2012, gia đình bà Th làm công trình phụ phía sau thửa đất, tường cũng xây theo mép tường nhà mái bằng phía trên.

Đất ở của gia đình bà Th, chiều tám mặt đường 480 rộng 5m nhưng gia đình bà chưa xây hết đất. Năm 2005, vợ chồng ông Lý bà L (hộ liên kê) xây nhà phía trước thổ đất tám đường 480 và đã xây lấn sang phần đất còn lại của gia đình bà Th 0,06m, vì công trình của gia đình đã làm kiên cố không sử dụng phần đất còn lại nữa nên bà Th không có ý kiến gì. Đến ngày 20/11/2017 gia đình ông L bắt gia đình bà phải dỡ bỏ gạch thông gió cầu thang, vì cho rằng phần gạch thông gió cầu thang đã lùi lấn sang đất nhà ông L. Bà Th không đồng ý nên đã yêu cầu cán bộ địa chính xã đến đo đạc, xác định lại nhưng ông L không nghe, đã tự đập phá gạch thông gió cầu thang của gia đình bà.

Tại đơn khởi kiện, bà Th yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông L bà L phải trả lại phần đất đã lấn chiếm có kích thước 0,06m x 28m (khoảng 2m²) và phải hoàn lại phần ô thoáng cầu thang mà gia đình ông L đã tự đập phá.

Ngày 09/4/2018 bà Th có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc gia đình ông L bà L phải trả cho gia đình bà bằng tiền đối với phần đất đã lấn chiếm ở phía trước có kích thước 0,05m x 5,75m = 0,29m² x 7.000.000đ/m² = 2.100.000 đồng. Đối với phần đất có móng âm nhà mái bằng của gia đình bà Th, kích thước 0,09m x 11,2m = 1m², hiện tại gia đình ông L đang sử dụng làm đường đi; phần diện tích này tuy nằm ngoài 5m chiều rộng đất của gia đình bà Th, nhưng đất của gia đình ông L cũng đang thừa. Vì vậy, Bà Th yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông L bà L phải trả lại phần đất có chân móng âm (KT 0,09m x 11,2m) cho gia đình bà Th. Đối với phần gạch thông gió cầu thang đã bị gia đình ông L đập phá, bà Th yêu cầu gia đình ông L bà L phải bồi thường thiệt hại 2.000.000 đồng.

Trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông L và bà L trình bày:

Năm 1989, vợ chồng ông bà được cấp đất ở, bên cạnh đất của ông Nh (Trưởng phòng hậu cần) nay là đất của gia đình bà Th. Năm 1991, ông Nh xây

móng nhà nhưng ông H là cán bộ Phòng hậu cần trực tiếp chỉ huy xây giúp ông Nh. Ông H nói với vợ chồng bà L làm móng chung nhưng gia đình bà để lối đi nên ông H mượn một phần đất để làm phần móng âm, xây móng lên trên thì giạt cấp vào. Đến năm 1993, gia đình bà L làm nhà nhưng vẫn để lối đi. Khi gia đình bà Th xây nhà, gia đình bà L đã nói với gia đình bà Th là một phần móng nhà (phần âm móng) mượn sang đất nhà bà L, phần gạch thông gió cầu thang nhà bà Th để thò sang lối đi nhà bà L. Đối với phần đất phía trước (giáp đường 480) của hai gia đình, năm 1994 gia đình bà Th xây 01 gian quán, gia đình bà L xây nhà sau khi gia đình bà Th xây quán, do xây dựng sau nên còn bao nhiêu đất là gia đình bà L xây hết.

Năm 2012 gia đình bà Th xây công trình phía dưới thổ đất, căn cứ vào viên gạch thông gió cầu thang và phần móng âm của nhà mái bằng, gia đình bà Th đào lấn sang đất nhà bà L 0,3m chiều rộng. Bà L đã đề nghị chính quyền đến đo đạc lại. Ủy ban nhân dân xã Mai Sơn đo đạc, xác định lại mốc giới nên gia đình bà Th phải lùi vào theo mốc giới là tường nhà mái bằng của nhà bà Th. Ủy ban nhân dân xã Mai Sơn lập biên bản xác định phần gạch thông gió và phần móng âm nhà bà Th nằm trên phần đất nhà bà L, khi nào gia đình bà L sử dụng thì gia đình bà Th phải tháo dỡ phần gạch thông gió, còn phần móng âm cả hai gia đình đều không được động chạm đến. Hai bên nhất trí và ký xác nhận. Đến năm 2017 gia đình bà L sửa nhà nhưng gia đình bà Th không chịu tháo dỡ phần gạch thông gió, bà L báo chính quyền và được sự nhất trí như biên bản lập năm 2012, nên đã thuê thợ cắt phần gạch thông gió nhà bà Th thò sang đất nhà bà L.

Bà L xác định phần nhà mái bằng phía giáp đường 480 của gia đình có xây lấn sang đất nhà bà Th, kích thước $0,05\text{m} \times 5,75\text{m} = 0,29\text{m}^2$ và chấp nhận thanh toán bằng tiền cho gia đình bà Th với giá $7.000.000\text{đ}/\text{m}^2$, thành tiền là 2.100.000 đồng. Phần gạch thông gió cầu thang nhà bà Th làm lấn sang đất nhà bà L, nên bà L không chấp nhận bồi thường. Còn phần âm của móng nhà mái bằng có kích thước $0,09\text{m} \times 11,2\text{m} = 1\text{m}^2$ là do gia đình bà Th xây lấn sang đất nhà bà L. Hiện tại, chiều rộng đất của nhà bà L tuy có thừa, nhưng thừa là do khi làm nhà gia đình bà L đã xây lấn sang đất nhà ông Th (đất nhà ông Th đang thiếu). Bà L không chấp nhận việc bà Th đòi phần đất của móng nhà bởi vì hiện tại đất nhà bà Th vẫn đủ 5m chiều ngang.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Th và bà L đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về phần đất phía trước, gia đình bà L lấn của gia đình bà Th kích thước $0,05\text{m} \times 5,75\text{m} = 0,29\text{m}^2$; phần đất này đã xây nhà mái bằng kiên cố nên gia đình bà L sẽ thanh toán bằng tiền cho gia đình bà Th là 2.100.000 đồng và bồi thường giá trị phần gạch thông gió cầu thang gia đình bà L đã cắt phá của gia đình bà Th là 2.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/4/2018 (BL73) bà Th và bà L thống nhất: Đối với phần nhà của hai gia đình đã xây dựng kiên cố, nếu giải quyết là đất thuộc quyền sử dụng của bên kia thì không phải tháo dỡ để trả lại đất mà thanh toán bằng tiền, với giá $7.000.000\text{đ}/1\text{m}^2$. Đối với diện tích đất có phần móng âm

của nhà bà Th, kích thước 0,09m x 11,2m cả bà L và bà Th đều nhận là đất của gia đình mình, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Th đối với ông Phan Văn L bà Vũ Thị L về yêu cầu trả diện tích đã lấn chiếm và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Đỗ Thị Th và bà Vũ Thị L, cụ thể:

+ Phần đất giáp đường 480 gia đình ông Phan Văn L, bà Vũ Thị L đã xây dựng nhà lấn sang phần đất của gia đình bà Đỗ Thị Th có kích thước 0,05m x 5,75m gia đình ông L bà L sẽ thanh toán bằng giá trị cho bà Đỗ Thị Th là 2.100.000 đồng.

+ Phần gạch thông gió ô thoáng cầu thang ông L bà L có trách nhiệm bồi thường cho bà Đỗ Thị Th số tiền 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Phan Văn L bà Vũ Thị L phải bồi thường cho bà Đỗ Thị Th là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Th buộc ông Phan Văn L, bà Vũ Thị L trả lại phần diện tích phần âm móng nhà mái bằng có kích thước 0.09m x 11.2m = 1m². Để đảm bảo giá trị công trình của bà Th, buộc bà Đỗ Thị Th thanh toán bằng giá trị diện tích đất là phần âm móng nhà cách tường nhà kích thước 0.09m x 11.2m = 1m² cho ông Phan Văn L và bà Vũ Thị L theo giá hai bên đã thỏa thuận là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Đối trừ số tiền ông L bà L phải bồi thường cho bà Th là 4.100.000 đồng. Bà Đỗ Thị Th còn phải thanh toán cho ông Phan Văn L và bà Vũ Thị L số tiền 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng).

3. Án phí: Ông Phan Văn L bà Vũ Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Đỗ Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 350.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001936 ngày 16/1/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô; bà Th còn phải nộp tiếp 50.000 đồng.

4. Chi phí thẩm định: Số tiền chi phí thẩm định là 1.200.000 đồng. Bà Đỗ Thị Th phải nộp 600.000 đồng; ông Phan Văn L, bà Vũ Thị L phải nộp 600.000 đồng. Do bà Th đã nộp toàn bộ tiền chi phí thẩm định nên ông L, bà L phải trả cho bà Th 600.000 đồng tiền chi phí thẩm định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm nêu trên, ngày 02/7/2018 bà Đỗ Thị Th kháng cáo phần bản án không chấp nhận yêu cầu của bà Th, buộc ông Phan Văn L, bà Vũ Thị L phải trả lại phần diện tích đất của phần âm móng nhà mái bằng kích thước 0.09m x 11,2m = 1m². Lý do, khi gia đình bà Th nhận chuyển nhượng đất thì đã có móng nhà, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc gia đình

ông L, bà L phải trả lại cho gia đình bà Th diện tích đất của phần âm móng nhà mái bằng có kích thước $0,09\text{m} \times 11,2\text{m} = 1\text{m}^2$.

Tại biên bản thỏa thuận ngày 14/11/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị Th và bà Vũ Thị L, ông Phan Văn L đã tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận như sau:

1. Về quyền sử dụng đất, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình (Th - L) như Bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20/6/2018 và sơ đồ kèm theo bản án của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, cụ thể:

- Phần đất giáp ranh giữa hai gia đình (Th - L) phía trước giáp đường 480 gia đình ông L, bà L đã xây dựng nhà lán sang đất của gia đình bà Th có kích thước $0,05\text{m} \times 5,75\text{m}$ thuộc quyền sử dụng của gia đình ông L, bà L; ông L, bà L phải thanh toán cho gia đình bà Th 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

- Phần đất có móng âm của gia đình bà Th có kích thước $0,09\text{m} \times 11,2\text{m}$ thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Th, gia đình bà Th không phải thanh toán tiền cho gia đình ông L, bà L.

2. Về bồi thường thiệt hại: Gia đình ông L, bà L phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà Th phần đã cắt phá gạch thông gió cầu thang nhà bà Th với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tổng hai khoản tiền nêu tại mục 1 và mục 2 gia đình ông L, bà L phải thanh toán cho gia đình bà Th là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng).

3. Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ của mình, theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí thẩm định: Số tiền chi phí thẩm định là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Đỗ Thị Th phải chịu 600.000 đồng; ông Phan Văn L, bà Vũ Thị L phải chịu 600.000 đồng. Bà Th đã nộp toàn bộ tiền chi phí thẩm định nên ông Phan Văn L, bà Vũ Thị L phải trả lại cho bà Đỗ Thị Th 600.000 đồng tiền chi phí thẩm định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 300, 308 khoản 2 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 29 khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016: Sửa bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS – ST ngày 20/6/2018 của TAND huyện Yên Mô, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Án phí: Ông L, bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà Th. Bà Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Thị Th là nguyên đơn, do đó có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà Th đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Th hợp lệ nên được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện ngày 29/12/2017 của bà Đỗ Thị Th là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm trong bản án đúng quy định tại các Điều 11, 12, 14, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung vụ án: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm bà Đỗ Thị Th và vợ chồng bà Vũ Thị L, ông Phan Văn L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về quyền sử dụng đất, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình (Th - L) như Bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20/6/2018 và sơ đồ kèm theo bản án của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, cụ thể:

- Phần đất giáp ranh giữa hai gia đình (Th - L) phía trước giáp đường 480 gia đình ông L, bà L đã xây dựng nhà lán sang đất của gia đình bà Th có kích thước 0,05m x 5,75m thuộc quyền sử dụng của gia đình ông L, bà L; ông L, bà L phải thanh toán cho gia đình bà Th 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

- Phần đất có móng âm của gia đình bà Th có kích thước 0,09m x 11,2m thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Th, gia đình bà Th không phải thanh toán tiền cho gia đình ông L, bà L.

2. Về bồi thường thiệt hại: Gia đình ông L, bà L phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà Th phần đã cất phá gạch thông gió cầu thang nhà bà Th với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tổng hai khoản tiền nêu tại mục 1 và mục 2 gia đình ông L, bà L phải thanh toán cho gia đình bà Th là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng).

3. Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ của mình, theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí thẩm định: Số tiền chi phí thẩm định là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Đỗ Thị Th phải chịu 600.000 đồng; ông Phan Văn L, bà Vũ Thị L phải chịu 600.000 đồng. Bà Th đã nộp toàn bộ tiền chi phí thẩm định nên ông Phan Văn L, bà Vũ Thị L phải trả lại cho bà Đỗ Thị Th 600.000 đồng tiền chi phí thẩm định.

[4] Về án phí:

- Sửa án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với nghĩa vụ theo thỏa thuận của các đương sự.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 Điều 147, 148, 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100, 166, 170, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 175, 176, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quyền sử dụng đất, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hai gia đình (Th - L) như Bản án sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20/6/2018 và sơ đồ kèm theo bản án của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, cụ thể:

- Phần đất giáp ranh giữa hai gia đình (Th - L) phía trước giáp đường 480 gia đình ông L, bà L đã xây dựng nhà lán sang đất của gia đình bà Th có kích thước 0,05m x 5,75m thuộc quyền sử dụng của gia đình ông L, bà L; ông L, bà L phải thanh toán cho gia đình bà Th 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

- Phần đất có móng âm của gia đình bà Th có kích thước 0,09m x 11,2m thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Th, gia đình bà Th không phải thanh toán tiền cho gia đình ông L, bà L. (có sơ đồ kèm theo)

1.2. Về bồi thường thiệt hại: Gia đình ông L, bà L phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà Th phần đã cắt phá gạch thông gió cầu thang nhà bà Th với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tổng hai khoản tiền nêu tại mục 1 và mục 2 gia đình ông L, bà L phải thanh toán cho gia đình bà Th là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

1.3. Án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn L bà Vũ Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Đỗ Thị Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Th là 300.0000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2016/0001936 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

1.4. Chi phí thẩm định: Số tiền chi phí thẩm định là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Đỗ Thị Th phải chịu 600.000 đồng; ông Phan Văn L bà Vũ Thị L phải chịu 600.000 đồng. Bà Th đã nộp toàn bộ tiền chi phí thẩm định nên ông Phan Văn L bà Vũ Thị L phải trả lại cho bà Đỗ Thị Th 600.000 đồng tiền chi phí thẩm định.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Th phải nộp 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Th đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002033 ngày 05/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô; bà Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/11/2018).

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- TAND huyện Yên Mô;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS H.Yên Mô;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

